

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 26 tháng 11, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



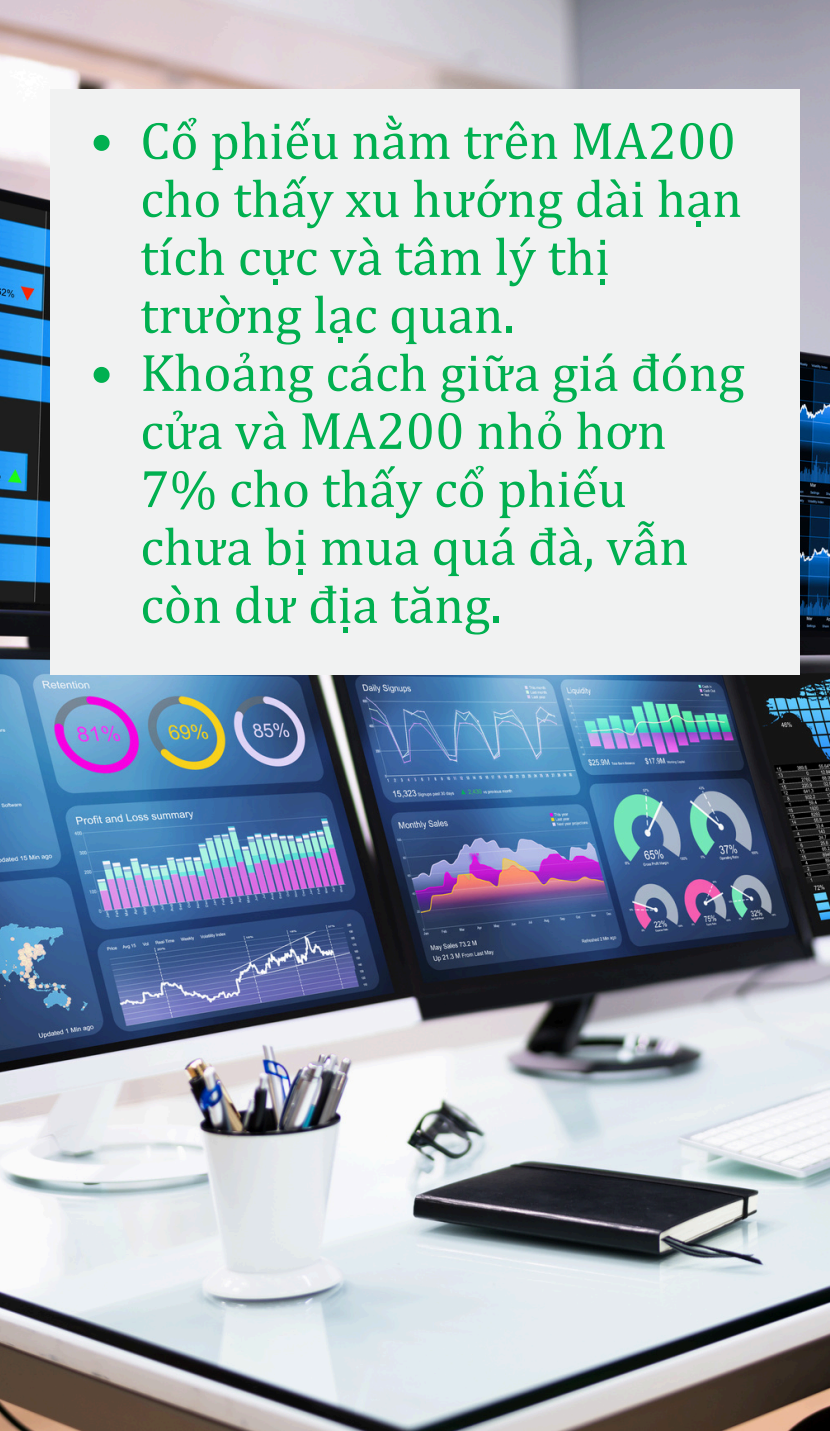
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	CTX	25/11/2025	9.7	1.680.500	189.463	8.87
2	LGL	25/11/2025	6.2	1.849.700	299.843	6.17
3	RYG	25/11/2025	11	1.120.100	196.653	05.07
4	TLG	25/11/2025	53.8	729.300	147.857	4.93
5	ABS	25/11/2025	3.64	1.443.000	295.447	4.88
6	HID	25/11/2025	7.37	4.300.700	1.014.577	4.24
7	PAC	25/11/2025	24.8	1.340.700	348.187	3.85
8	HAG	25/11/2025	18.6	50.503.100	15.412.807	3.28
9	PVT	25/11/2025	18.5	8.695.600	2.840.047	3.6
10	SBG	25/11/2025	15.15	969.000	335.970	2.88
11	CTP	25/11/2025	11.3	866.200	313.137	2.77
12	TNH	25/11/2025	11.8	551.100	205.087	2.69
13	VPL	25/11/2025	81.5	792.200	307.427	2.58
14	HII	25/11/2025	6.93	1.374.500	537.207	2.56
15	APS	25/11/2025	7.4	1.445.100	577.393	02.05
16	OGC	25/11/2025	4.26	1.256.200	517.863	2.43
17	GEE	25/11/2025	181.7	1.382.100	581.043	2.38
18	FIR	25/11/2025	7.95	702.000	304.470	2.31
19	TV2	25/11/2025	36.8	536.300	244.897	2.19
20	VFS	25/11/2025	16.1	3.642.300	1.834.963	1.98
21	AFX	25/11/2025	14.5	579.500	296.133	1.96
22	KBC	25/11/2025	35.6	10.355.900	5.697.810	1.82
23	REE	25/11/2025	65	780.400	443.990	1.76
24	FIT	25/11/2025	4.6	1.122.600	664.507	1.69
25	VCI	25/11/2025	33.3	16.555.400	10.475.780	1.58
26	HQC	25/11/2025	3.13	8083000	5115814	1.58
27	TTF	25/11/2025	2.91	791600	500027	1.58
28	PAN	25/11/2025	26.6	1687000	1108417	1.52
29	SSI	25/11/2025	32.85	53026500	35971608	1.47



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	25/11/2025	8.31	3.211.270	55.34	7.79	6.7	0.02	0.09
2	AAV	25/11/2025	6.8	591.400	62.85	6.7	1.46	0.13	0.07
3	CRC	25/11/2025	9.36	1.029.060	50.99	9	04.01	-0.27	0.34
4	CTD	25/11/2025	86.9	574.660	47.75	83.55	04.01	0.28	0.84
5	DRI	25/11/2025	12.7	730.850	59.89	12.38	2.63	0.1	-0.12
6	PC1	25/11/2025	21.7	1.767.000	52.57	20.71	4.76	-0.12	0.04
7	PVT	25/11/2025	18.5	3.967.780	58.02	17.96	2.99	0.07	-0.37
8	SHI	25/11/2025	14.55	518.360	52.5	14.27	1.98	0.01	-0.05
9	TNG	25/11/2025	19.1	1.142.670	49.17	18.84	1.39	0.03	-0.39
10	VC3	25/11/2025	27.9	986.410	50.44	26.54	5.13	-0.14	0.14
11	VGT	25/11/2025	12.4	1.079.100	49.68	12.1	2.49	0.05	-0.06
12	VHC	25/11/2025	57.5	1.582.180	50.07	56.8	1.24	0.38	-1.19
13	VIB	25/11/2025	18.3	4.419.980	39.59	17.92	2.12	-0.37	0.15



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AFX	14.5	14.9	555.930
2	CT3	5.8	5.8	253030
3	HAP	7.8	8	215.110
4	HID	7.37	7.7	1.502.800
5	LGL	6.2	6.48	484680
6	SBG	15.15	15.05	418.810
7	VIC	243	248.8	3.051.110
8	VJC	219.1	219.1	2.218.610

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AVG	11.4	11.2	179.700
2	BMC	16.1	16	28.480
3	CTX	9.7	9.6	319.310
4	KSF	74.4	73.7	25.070
5	PVG	5.9	5.5	31.430
6	SGN	60.5	58.91	10.250
7	TNH	11.8	11.45	245.740
8	TTA	11	10.9	122.220
9	VAB	10.75	10.7	406.530
10	VPG	6.2	06.08	194.800

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACB	24.2	24.1	7.143.700
2	AGR	15.25	14.95	352.100
3	APS	7.4	7.3	477.300
4	AVG	11.4	11.2	179.700
5	BIC	22.5	22.5	172.560
6	BMC	16.1	16	28.480
7	BMI	18.3	18.3	369.720
8	BSI	39.8	39.5	509.810
9	BSR	15.4	15.1	3.529.510
10	BVS	31.1	29.28	175.650
11	CCC	13.75	13.2	128.500
12	CSC	17.2	16.3	33.010
13	CTS	33.3	33	836.990
14	DDV	27	26.7	1.065.280
15	DTD	17.8	17.5	290.510
16	EVF	11.95	11.8	2.864.170
17	FCN	14.7	14.25	659.030
18	GEG	14.2	14.2	379.020
19	HDC	26.75	26.3	2.117.730
20	HT1	15.1	15.1	292.190
21	IJC	11.8	11.6	2.283.660
22	KSF	74.4	73.7	25.070
23	KSV	144	143.6	28.610
24	MBB	22.85	22.8	17.596.340
25	PAN	26.6	25.55	993.750
26	SHS	20.6	19.6	13.478.600
27	SJS	58.7	58.5	18.310

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	PVT	18.5	17.96	3.967.780

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	GEE	181.7	170.71	623.580
2	GEX	45.1	44.94	8.256.420
3	PVT	18.5	17.92	3967780
4	VOS	12.9	12.9	825.940

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTP	11.3	10.57	591.430
2	HDB	31.8	31.19	16.209.940
3	KBC	35.6	35.16	3798260
4	PVT	18.5	17.89	3.967.780

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DBC	26.5	26.54	4.045.630
2	HHS	14.1	14.12	1.789.470
3	HVN	29	29.17	858470
4	IDC	39.8	39.86	3.419.830
5	KSB	18	18.29	1.445.160
6	VGI	72.4	73.5	1.287.410
7	VND	18.2	18.28	15.334.030

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ANV	29.15	29.38	2.219.290
2	CII	25.3	25.5	18.712.490
3	CSV	30.1	31.26	848030
4	CTR	86.2	87.62	600.440
5	DBC	26.5	26.67	4.045.630
6	DGC	94	94.6	3.130.150
7	DLG	2.68	2.76	2.340.390
8	FIT	4.6	4.67	595.010
9	GAS	60.8	60.95	577820
10	GVR	27.1	27.54	2695990
11	HDG	31.8	31.98	3146040
12	VGI	72.4	72.45	1287410

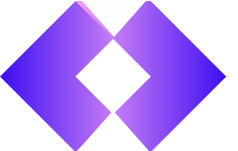
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	C4G	8.2	8.33	875.310
2	CEO	24.7	25.24	13.482.350
3	DGC	94	95.59	3130150
4	DIG	20.5	20.51	11.181.860
5	DLG	2.68	2.74	2.340.390
7	FIT	4.6	4.64	595010
8	HQC	3.13	3.15	7136810
9	HTP	1.6	1.65	765670
10	MSR	22.5	22.54	917630
11	NT2	23.4	23.89	840800
12	PVC	10.8	10.9	911100
13	SSB	17.1	17.33	3121420
14	SZC	31	31.32	767180
15	TCH	20.1	20.4	4342570
16	TCM	28.1	28.33	1549270
17	TIG	7.7	7.78	958800
18	TNG	19.1	19.17	1142670
19	TPB	16.95	17.02	6230270
20	VGT	12.4	12.44	1079100
16	VHC	57.5	57.99	1582180
17	VPB	28.2	28.4	15908940
18	VTZ	18.3	18.36	1182060
19	YEG	12.15	12.16	1158810



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	25/11/2025	46.5	45.3	46.5	2.6	18.560
2	TCL	25/11/2025	34.75	33.3	35.4	6.3	15.840
3	SGN	25/11/2025	60.5	60.4	64.19	6.3	12.500
4	FOC	25/11/2025	64.3	63.5	67.5	6.3	10.340
5	VCP	25/11/2025	25.5	25.31	27	6.7	15.780
6	CHP	25/11/2025	31.7	31.55	33.75	7	48.180
7	QTP	25/11/2025	12.8	12.7	13.6	7.1	124.240
8	GDT	25/11/2025	20.6	20	21.5	7.5	12.800
9	SJD	25/11/2025	14.1	13.68	14.76	7.9	46.500
10	HTG	25/11/2025	46.1	44.2	47.7	7.9	25.660
11	DBD	25/11/2025	50.5	50.5	54.5	7.9	12.260
12	DVP	25/11/2025	68.1	67.9	73.4	8.1	22.120
13	MCF	25/11/2025	7.5	7.4	8	8.1	13.800
14	SCG	25/11/2025	66.2	62.1	67.2	8.2	26.560
15	PVP	25/11/2025	14.4	13.56	14.68	8.3	61.660
16	VNS	25/11/2025	9	8.99	9.75	8.5	24.240
17	ITD	25/11/2025	13.55	12.8	13.9	8.6	11.480
18	HNM	25/11/2025	8	7.9	8.6	8.9	287.780
19	HMC	25/11/2025	11.8	11.2	12.2	8.9	18.820
20	TCW	25/11/2025	32.2	30.4	33.1	8.9	15.700
21	TVD	25/11/2025	10.6	9.9	10.8	9.1	42300
22	PPH	25/11/2025	29.4	27.3	29.8	9.2	19200
23	SAB	25/11/2025	46.3	44	48.15	9.4	656620
24	TDT	25/11/2025	6.5	6.4	7	9.4	21720
25	PGC	25/11/2025	13.55	12.75	13.95	9.4	15140
26	VGP	25/11/2025	28.1	26.5	29	9.4	14940
27	CQN	25/11/2025	31.4	30.5	33.4	9.5	10740
28	NCT	25/11/2025	96	95.5	104.71	9.6	13960
29	DHG	25/11/2025	102.5	100.4	110	9.6	11300



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009